

**Phụ lục X**  
**ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KINH PHÍ NĂM 2022**  
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-KHCN ngày /6/2023 của Sở KH&CN)

ĐVT: tr.đ						
TT	Nội dung	Chuyển nguồn từ năm 2021 sang 2022	Dự toán giao đầu năm 2022	Thực hiện năm 2022	So sánh thực hiện với giao dự toán	
					Tương đối (%)	Tuyệt đối (+) (-)
<b>A</b>	<b>Phần thu</b>		<b>1.632</b>	<b>1.808</b>	<b>110,8</b>	<b>-3.440</b>
1	Phí, lệ phí		92	74,25	80,7	-166
2	Thu sự nghiệp		1.540	1.734	112,6	-3.274
<b>A</b>	<b>Phần chi ngân sách nhà nước</b>	<b>9.419</b>	<b>59.458</b>	<b>57.413</b>	<b>83,4</b>	<b>-116.871</b>
<b>I</b>	<b>Quản lý nhà nước</b>	<b>0</b>	<b>15.388</b>	<b>13.465</b>	<b>87,5</b>	<b>-28.853</b>
<b>1</b>	<b>Khối Văn phòng Sở</b>	<b>0</b>	<b>8.716</b>	<b>7.285</b>	<b>83,6</b>	<b>-16.001</b>
	Kinh phí thực hiện tự chủ		5.143	5.069	98,6	-10.212
	Kinh phí không thực hiện tự chủ		3.573	2.215,8	62,0	-5.789
<b>2</b>	<b>Chi cục TCĐLCL</b>	<b>0</b>	<b>6.672</b>	<b>6.180</b>	<b>92,6</b>	<b>-12.852</b>
	Kinh phí thực hiện tự chủ		1.779	1.779,000	100,0	-3.558
	Kinh phí không thực hiện tự chủ		4.893	4.401	89,9	-9.294
<b>II</b>	<b>Chi sự nghiệp khoa học</b>	<b>9.419</b>	<b>32.070</b>	<b>31.948</b>	<b>77,0</b>	<b>-64.018</b>
<b>1</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>0</b>	<b>2.507</b>	<b>2.119</b>	<b>84,5</b>	<b>-4.626</b>

TT	Nội dung	Chuyển nguồn từ năm 2021 sang 2022	Dự toán giao đầu năm 2022	Thực hiện năm 2022	So sánh thực hiện với giao dự toán	
					Tương đối (%)	Tuyệt đối (+) (-)
	Trung tâm ứng dụng KH&CN		2.507	2.119	84,5	-4.626
<b>2</b>	<b>Chi không thường xuyên</b>	<b>9.419</b>	<b>29.563</b>	<b>29.829</b>	<b>76,5</b>	<b>-59.392</b>
	Khối Văn phòng Sở	9419,3	27.224	27.855	76,0	-55.079
	Chi cục TCDLCL		776	776	100,0	-1.552
	Trung tâm ứng dụng KH&CN		1.563	1.198	76,6	-2.761
<b>III</b>	<b>Chi đầu tư phát triển</b>	<b>0</b>	<b>12.000</b>	<b>12.000</b>	<b>100,0</b>	<b>-24.000</b>
1	Dự án "Nâng cao năng lực Trung tâm Ứng dụng KH&CN tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2023"		12.000	12.000	100,0	-24.000